

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :305

Sang : Bún riêu thốt tom kho cá chua trồng
gia nấu hu huyết ngo gai
Sữa grow
Trữa : Cơm thốt lồn kho nam cá rot. Canh
rau ngọt mỗp mọc viên thốt heo nạc
Mon luoc: nấu bap
Xe: sữa chua ương tạo
Xe chieu: Cháo bột nấu sữa sa nghe

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 36987				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân giá(đ/100g)	Thành tiền(đ)
	*CHỒ			
1	Ram (mười)	3,000	1,060	31,800
2	Mọc viên*	1,000	16,500	165,000
3	Lồn	5,000	28,670	1,433,500
4	Tom kho	200	78,100	156,200
5	Nước mắm Cá (loại 1)	3,000	6,160	184,800
6	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
7	Nông cat	3,000	3,880	116,400
8	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
9	Xì dầu	1,000	990	9,900
10	Nghe tỏi	300	5,460	16,380
11	Gạo tẻ may	23,000	2,630	604,900
12	Hành lá	1,500	5,460	81,900
13	Hành củ tỏi	1,500	6,300	94,500
14	Nấu bap	3,500	7,880	275,800
15	Nữ nấu xanh	3,500	3,890	136,150
16	Sai	300	2,840	8,520
17	Rau ngọt	4,000	6,090	243,600
18	Cá chua	3,000	7,880	236,400
19	Rau mùi tầu (ngô gai)	100	6,510	6,510
20	Nam rôm	1,000	14,180	141,800
21	Gia nấu xanh	1,000	2,730	27,300
22	Mỗp	6,000	4,200	252,000
23	Cá rot	2,000	5,780	115,600
24	Bún	18,000	1,710	307,800
25	Nấu hủ chiên	3,000	3,300	99,000
26	Thốt lồn nạc	10,700	18,480	1,977,360
27	Thốt bột loại 1	2,500	37,800	945,000
28	Tiệt luoc	1,500	4,180	62,700
29	Trống vòt	2,500	5,400	135,000
30	Sữa chua Daisy(1 lo)	30,500	5,950	1,814,750
Cong				9,907,670
	*XUẤT KHO			
31	Sữa bột Abbot Grow	6,700	20,500	1,373,500
Cong				1,373,500
Tổng tiền thức phẩm				11,281,170 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nỏch chi trong ngày				11285000(đ)
Số đồ nấu ngay				0(đ)
Số đồ cuối ngày				3830(đ)
Xuất ăn luy kê tổ nấu tháng				
Tiêu chuẩn luy kê tổ nấu tháng				
Tiền chi luy kê tổ nấu tháng				